

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA CẤP CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH GIAO TIẾP CƠ BẢN

Ngày kiểm tra: 04.04.2021

Thời gian kiểm tra: 13h00

Thời gian ôn tập: từ 14/03/2021 đến 21/03/2021

Địa điểm kiểm tra: Số 1 Đoàn Kết, P Bình Thọ, Q Thủ Đức, TP HCM

Lớp: TAC1(nhóm 2)

Stt	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm				Điểm TBC	Kết Quả	Xếp Loại	Ghi chú
							Đọc	Viết	Nghe	Nói				
1	TACB032	Hoàng Lê Diệu	Ly	12/02/1999	Bà Rịa Vũng Tàu	Nữ	9.5	9.5	10.0	6	8.75	Đạt	Khá	
2	TACB033	Lê Tiến	Minh	15/11/2000	Gia Lai	Nam	6.5	6.5	8.0	3	6.00	Đạt	Trung Bình	
3	TACB034	Võ Thị	Na	20/11/1995	Thừa Thiên Huế	Nữ	7.5	7.5	10.0	3	7.00	Đạt	Trung Bình	
4	TACB035	Dương Thị	Ngân	18/06/1995	Bến Tre	Nữ	9.0	9.0	9.5	5	8.13	Đạt	Trung Bình	
5	TACB036	Dương Trọng	Nghĩa	25/10/2001	Đồng Tháp	Nam	8.0	8.0	10.0	5.5	7.88	Đạt	Trung Bình	
6	TACB037	Phạm Thảo Quỳnh	Nhi	18/09/1995	TP Hồ Chí Minh	Nữ	7.0	7.0	2.5	4.5	5.25	Không Đạt	Không đạt	
7	TACB038	Trần Thị	Phúc	18/10/2001	Bình Định	Nữ	7.5	7.5	7.5	4	6.63	Đạt	Trung Bình	
8	TACB039	Phạm Phan Hồng	Phúc	26/08/1999	Đồng Tháp	Nam	7.0	7.0	7.5	4	6.38	Đạt	Trung Bình	
9	TACB040	Trần Thị Kim	Phương	21/06/1988	TP Hồ Chí Minh	Nữ	9.0	9.0	10.0	6	8.50	Đạt	Khá	
10	TACB041	Nguyễn Như	Quân	01/07/1997	Thanh Hóa	Nam	8.5	8.5	7.0	3	6.75	Đạt	Trung Bình	
11	TACB042	Trần Hoàng	Sang	19/01/2001	Cần Thơ	Nam	7.5	7.5	8.0	3	6.50	Đạt	Trung Bình	
12	TACB043	Trần Thị Kim	Thanh	22/01/1986	Cà Mau	Nữ	9.0	9.0	9.0	3	7.50	Đạt	Trung Bình	
13	TACB044	Văn Thị	Thảo	13/08/1984	Hà Tĩnh	Nữ	9.5	9.5	8.0	3.5	7.63	Đạt	Trung Bình	
14	TACB045	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	21/09/2000	Bình Thuận	Nữ	8.5	8.5	10.0	3.5	7.63	Đạt	Trung Bình	
15	TACB046	Lê Thị	Thảo	28/08/1991	Thanh Hóa	Nữ	7.5	7.5	9.5	3	6.88	Đạt	Trung Bình	

Stt	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm				Điểm TBC	Kết Quả	Xếp Loại	Ghi chú
							Đọc	Viết	Nghe	Nói				
16	TACB047	Lê Hoàng	Thê	22/02/1989	Tây Ninh	Nam	9.0	9.0	10.0	4.5	8.13	Đạt	Trung Bình	
17	TACB048	Huỳnh Hữu	Thê	12/07/1986	Bình Định	Nam	8.5	8.5	9.0	3.5	7.38	Đạt	Trung Bình	
18	TACB049	Nguyễn Thị Mai	Thy	28/01/1974	Bình Định	Nữ	8.5	8.5	5.5	4	6.63	Đạt	Trung Bình	
19	TACB050	Nguyễn Cẩm	Thu	22/12/2003	TP Hồ Chí Minh	Nữ	4.5	4.5	6.5	4	4.88	Không Đạt	Không đạt	
20	TACB051	Nguyễn Thị	Thư	01/05/1972	Nghệ An	Nữ	8.5	8.5	10.0	5	8.00	Đạt	Trung Bình	
21	TACB052	Nguyễn Văn	Tiêm	14/11/2001	Đắk Lắk	Nam	9.0	9.0	10.0	3	7.75	Đạt	Trung Bình	
22	TACB053	Lâm Hoàng Minh	Tiên	15/01/1997	Tiền Giang	Nữ	7.0	7.0	10.0	3	6.75	Đạt	Trung Bình	
23	TACB054	Trần Nguyễn Ngọc	Trâm	22/06/2004	Tiền Giang	Nữ	6.0	6.0	8.5	3.5	6.00	Đạt	Trung Bình	
24	TACB055	Đoàn Thị	Trang	24/10/2001	Gia Lai	Nữ	6.5	6.5	8.0	4	6.25	Đạt	Trung Bình	
25	TACB056	Nguyễn Thị	Trang	26/05/1997	Quảng Ngãi	Nữ	8.5	8.5	9.5	4.5	7.75	Đạt	Trung Bình	
26	TACB057	Triệu Võ	Tuất	05/10/2000	Đắk Lắk	Nam	8.0	8.0	8.5	4	7.13	Đạt	Trung Bình	
27	TACB058	Trần Văn	Tuyền	01/11/2001	Ninh Bình	Nam	8.0	8.0	9.0	3	7.00	Đạt	Trung Bình	
28	TACB059	Nguyễn Thị	Tuyết	28/08/1985	Nghệ An	Nữ	7.5	7.5	7.0	5	6.75	Đạt	Trung Bình	
29	TACB060	Nguyễn Hoàng Thảo	Vy	29/12/1999	TP Hồ Chí Minh	Nữ	8.0	8.0	8.0	4	7.00	Đạt	Trung Bình	
30	TACB061	Lê Thị Như	Ý	30/08/1994	Long An	Nữ	8.5	8.5	9.5	4	7.63	Đạt	Trung Bình	
31	TACB062	Trần Thị Hoàng	Yến	07/04/2003	Bình Phước	Nữ	0.0	0.0	0.0	0	0.00	Không Đạt	Không đạt	Hoãn thi

Tổng số thí sinh dự kiểm tra: 30

Tổng số thí sinh vắng dự kiểm tra: 01

Tổng số thí sinh đạt: 28

Tổng số thí sinh không đạt: 03

TP Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên)

THƯ KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm				Điểm TBC	Kết Quả	Xếp Loại	Ghi chú
						Đọc	Viết	Nghe	Nói				

ThS. Dương Công Hiếu

Ths. Lương Kim Anh

Nguyễn Thị Hằng

